TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 124/2018/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 19 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11/12/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 245/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lê Thị T**, sinh năm 1969.
- *Bị đơn:* 1. **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1957.
2. **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn B là bà Nguyễn Thị L – đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 21/11/2018.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Lê Thị T số tiền hụi vốn là 282.000.000đ *(Hai trăm tám mươi hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị T tự nguyện chịu ½ án phí số tiền 3.525.000đ *(Ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* nhưng bà được miễn toàn bộ án phí do là con liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình

liệt sĩ theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn B tự nguyện liên đới chịu ½ án phí số tiền 3.525.000đ *(Ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* nhưng bà L thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn phần án phí mà bà có nghĩa vụ nộp 1.762.500đ (*Một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*, còn lại ông B phải nộp 1.762.500đ (*Một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga